



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN PHUC HA
Last Middle First

Current Address: 220/140 Cách Mạng Tháng 8 P.13 - Q. Tân Bình TP HCM.

Date of Birth: 03/29/52 Place of Birth: Phước Tuy

Previous Occupation (before 1975) and Lt.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/29/75 To 08/04/78
Years: 3 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Thánh Phô Hô Chi Minh, ngày 27 tháng 7 năm 1988

Thánh Bà,

Hôm nay tôi xin được phép viết thư đến Bà để mong Bà giúp đỡ cho tôi cùng với gia đình trường hợp như sau:

Nguyên tôi là một cựu quân nhân thuộc chế độ cũ của VN rã ngũ, và đã được tập trung cải tạo.

Nay do chính sách nhân đạo của 2 chính phủ Mỹ và nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa VN. đã có chủ trương cứu xét cho những người học tập cải tạo được tha về được định cư tại Mỹ.

Vì chủ trương nhân đạo nêu trên, kính mong Bà giúp đỡ can thiệp để cho tôi cùng với gia đình được định cư sinh sống tại Mỹ theo chương trình này.

Trong khi chờ đợi, kính mong Bà ghi nhân ở nơi đây sự thành thật biết ơn của gia đình chúng tôi.

Đính kèm tất cả giấy tờ sau:

- 1) - 1 chứng chỉ sống chung
- 2) - 1 giấy ra trại
- 3) - 2 khai sinh 2 đứa con.
- 4) - 2 khai sinh vô công
- 5) - 1 bản sao căn cước vô

Chào Bà

hal

NGUYỄN PHÚC HÀ

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
(CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN)

Date : 27. 07 1988
Ngày :

A.- BASIC IDENTIFICATION DATA :

Lý lịch căn bản :

1/Name : NGUYỄN PHÚC HÃ; RANK : THIẾU ÚY

Họ, tên :

SERIAL NUMBER : 72/151.374

2/Other Name : không

Họ tên khác :

3/Date/place of birth : 29. 03. 1952 Bình Trị Thiên

Ngày, nơi sinh :

4/Residence Address : 230/14 D cách máy Thuyền 8 phường 13 Tân Bình
Địa chỉ thường trú Thành phố Hồ Chí Minh.

5/Mailing address : 230/14D cách máy Thuyền 8 phường 13 Quận Tân Bình
Địa chỉ, thư từ Thành phố Hồ Chí Minh.

6/Current Occupation : Thợ cắt kiếng
Nghề nghiệp

B.- RELATIVES TO ACCOMPANY ME :

(Bà con cùng đi với tôi)

(Note : Your Spouse and Unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (Ms) as follows Married (M), Divorced, Widowed (W) or single (S).

(Chú ý : Vợ chồng và con, cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia đình như sau : (Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/ góa thê (W) hoặc độc thân (S).

NAME	DATE OF BIRT	PLACE OF BIRT	SED	MS	RELATIONSHIP
Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	PHÁI	(Tình trạng gia đình)	(Liên hệ gia đình)

1/ PHAM THI THIN	15-03-1953	Bình Thạnh	Nữ		V3
2/ NGUYỄN PHÚC NGỌC TRÂM	17-12-82	Saigon	Nữ		con
3/ NGUYỄN PHÚC TRƯỜNG HUY	20-11-86	Saigon	Nam		con
4/					
5/					
6/					
7/					
8/					
9/					
10/					

NOTE : For the persons listed above, We will need legible coppies of birth certificates, marriage certificate (if married), divorce decrees (if divorced), apouse's death certificate (if widowed) indentification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live wits you, please no to their adress in section I below).

(chú ý : Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần 1 bản ảnh sinh, giá thú (nếu đã lập gia đình rồi) giấy ly hôn (nếu đã ly dị, giấy khai tử của vợ chồng (nếu góa phụ/ góa tử), thẻ căn cước (nếu có) và ảnh. Nếu bà con có đi cùng với bạn không chung sống với bạn hiện tại. Xin viết địa chỉ của họ trong Phần I).

C.- RELATIVE OUTSIDE VIET NAM : (Họ hàng ở Ngoại Quốc) No

1/ Closest relative in the US

(Bà con thân thuộc nhất ở Mỹ)

- a) Name :
(Tên, họ)
- b) Relationship :
(Liên hệ gia đình)
- c) Address :
(Địa chỉ)

2/ Closest relative in the other foreign countries No

(Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác)

- a) Name :
(Tên, họ)
- b) Relationship :
(Liên hệ gia đình)
- c) Address :
(Địa chỉ)

D.- COMPLETE FAMILY LISTING (Living/dead)

(Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết))

	<u>NAME</u> (Họ, tên)	<u>ADDRESS</u> (Địa chỉ)
1/ Father	Nguyễn Văn GIÂN	chết
(Cha)		
2/ Mother	Đoàn Thị VƯỜN 230/14D phường 13 Quận Tân Bình Thành phố	Hồ Chí Minh.
(Mẹ)		
3/ Spouse	Phạm Thị THỊ 230/14D phường 13 Quận Tân Bình Thành phố	Hồ Chí Minh.
(Vợ, chồng)		
4/ Fore spouse (If any)		
(Vợ, chồng trước (nếu có))		
5/ Children		
(Con cái)		
	Nguyễn Phúc Ngọc TRÂM 230/14D phường 13 Quận Tân Bình Thành Phố	Hồ Chí Minh.
	Nguyễn Phúc TRƯỜNG HUY 230/14D phường 13 Quận Tân Bình Thành Phố	Hồ Chí Minh.

6/ Siblings
(Anh, chị, em)

Nguyễn Thị Châu³ 75 Trường Vinh kỳ phường 17 Q. Tân Bình
Nguyễn Thị Kim Quy 330 Ấp TRUNG XÃ MỸ HIỆP Q. CHỢ MỚI AN GIANG
Nguyễn Thị Minh Huệ 231/91 Đường bá Thác phường 1 Quận 3
Nguyễn Thị Bích Liên 230/14D Phường 13 Quận Tân Bình
Nguyễn Thị Kim Chi 2 - nt -

E.- Employment by US government, Agencies or other US organizations if you spouse. (Bạn hoặc vợ chồng đã có làm cho Công sở của Chính phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ)

1/ Name of person employed :

(Họ tên nhân viên)

2/ Dates : From :

(Ngày, tháng)

từ

To :

Đến

1.

2.

3.

3/ Title of (Last) position held :

Chức vụ công việc

4/ Agency/ company/ office:

Sở/ hãng/ Văn Phòng

5/ Name or (Last) supervisor :

Họ và tên người giám thị

6/ Reason for leaving :

Lý do ra đi

7/ Training for Job in Việt Nam :

Nghề nghiệp Huấn luyện tại Việt Nam

F.- SERVICE WITH GVN OR RVNAP BY YOU OR OR YOUR SPOUSE (Bạn hoặc vợ chồng đã công cụ với Chính Phủ VN hoặc Quân Lực VN Cộng Hòa) :

1/ Name of ferson serving : Th/uy Nguyễn, phúc Hà SERIAL NUMBER 72/101324
(Tên họ người tham gia)

2/ Date

From : 27-07-1972 To : 30-04-1975

(Ngày, tháng, năm)

(Từ)

Đến

3/ Last rank : Thiếu úy Trung Đồi Trưởng Tiểu khu Gia Định
(Chức vụ sau cùng)

4/ Ministry/ office/ military Unit : Lái đò 4/681 Địa phương Quân
(Bộ, Sở, Đơn vị binh chủng) Tiểu khu Gia Định

5/ Name of Supervisor/ C.O : Lái úy Nguyễn Tiến Lộc
(Tên, họ người Giám Thị/ Sĩ quan chỉ huy)

6/ Reason for leaving : Tôi muốn có cuộc sống theo ý nguyện
(Lý do ra đi) của tôi

7/ Name of american advisor (S) :

(Tên họ Cố Vấn Mỹ)

8/ U.S Training courses in Việt Nam :

(Chương trình Huấn luyện Hoa Kỳ tại V.N)

9/ US awards or certificates :

(Giấy ban khen hoặc chứng thư do HK cấp)

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards of certificates, if available. Available : YES : NO :

(Chú ý : Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen hoặc chứng thư (nếu có) Dương sự có không : Có : Không :

G.- TRAINING OUTSIDE VIETNAM IF YOU OR YOUR SPOUSE : (Bạn hoặc vợ chồng đã huấn luyện ở Ngoại quốc)

- 1/ Name of Student/ Trainee :
(Tên họ sinh viên/ người được huấn luyện)
- 2/ School and School address :
(Trường và địa chỉ Nhà trường)
- 3/ Dates : From : To :
(Ngày, tháng năm) Từ Đến
- 4/ Description of courses :
(Mô tả ngành học)
- 5/ Who paid for training :
(Ai đã đài thọ chương trình Huấn luyện)

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available ? YES : NO :

(Chú ý : Xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chứng chỉ (nếu có). Bạn có hay không ? Có : Không :

H.- Re-education if you or your spouse :
(Bạn hoặc vợ chồng đã học tập cải tạo)

- 1/ Name of person in reeducation : Nguyễn phúc Hà Thiếu uý
(Tên họ người học tập cải tạo) Số quân : 72/151.374
- 2/ Total time in Reeducation : 27-06-75 Years 4-03-1976 Months days
Tổng cộng thời gian học tập : Hai NĂM Tam tháng Tam ngày
- 3/ Still in reeducation : Yes No.
Vẫn còn học tập cải tạo : Có Không

(If released, we must have a copy of your release certificate)
(Nếu được thả, chúng tôi cần 1 bản giấy ra trại.)

I.- ANY ADDITIONAL REMARKS : (Cước chú phụ thuộc)

Signature :
Chữ ký

Date : 27 / 07 / 1988
ngày :

J.- Please list here all documents attached to this questionnaire.
(Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này).

- 1. Chứng chỉ sống chung
- 1. Giấy ra trại
- 2. Khai sinh con
- 2. Khai sinh vợ chồng
- 1 bản sao căn cước (Vợ)



HIỆU XÁC NHẬN GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên khai sinh : NGUYỄN PHÚC HÀ
 Họ và tên đang dùng : NGUYỄN PHÚC HÀ
 - Ngày, tháng, năm và nơi sinh : 29.03.1952 Phước Tuy
 - Quê quán : Xã Hòa Ninh, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Bình Trị Thiên
 - Nơi cư trú trước khi đi HTCT : 29. Hải Giang Tân Sơn Nhất, Sài Gòn
 - Cấp bậc, chức vụ (chế độ cũ) : Thiếu úy, Trưởng Ban Trại, Tiểu Khu Gia Định
 - Số quân : 72/151374
 - Ngày đi HTCT : 27.06.1975 Ngày ra trại : 04.03.1978
 - Tên trại cuối cùng : L1972 Hối Mìn Số giấy ra trại : 2803/20
 - Được tha theo quyết định số : 05-QĐ ngày 14.01.1978 của Bộ Nội Vụ
 - Nơi cho về cư trú : Xã Mỹ Hiệp, Huyện Chẽ Mìn, Tỉnh An Giang
 - Nơi ở hiện nay : 230/14 cách Măng Thang 8. T.50. Phường 13. Quận Tân Bình
 - Tên họ cha Nguyễn Văn Giàu (c) mẹ : Đoàn Thị Vàng
 - Tên họ vợ (hoặc chồng) : Phạm Thị Thìn

Dấu lặn tay
(ngón trỏ phải)



11/gày 09 tháng 06 năm 1985
 Ký tên

Nguyễn Phúc Hà
 Nguyễn Phúc Hà

XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN PHƯỜNG, XÃ :

Anh Nguyễn Phúc Hà sinh 1952 là Sĩ quan
 cùng chế độ cũ, HTCT được tha về, tạm trú tại Phường, Xã chúng tôi từ ngày 4.3.1978
 đến nay. Hình và dấu lặn tay trên đây là của đương sự.

11/gày 10 tháng 06 năm 1985
 Trưởng CA Phường, Xã



XÁC NHẬN CỦA C. A. M. H. (C. A. M. H. - C. A. M. H.)

Anh Nguyễn Phúc Hà sinh 1952 tại Phước Tuy
 Cấp bậc cũ : Thiếu úy T. A. Trưởng HTCT được tha theo quyết định
 Số : 05/QĐ ngày 14-01-78 của Bộ V. B. Đoàn 700
 Cho về cư trú tại : Xã Mỹ Hiệp, Huyện Chẽ Mìn, An Giang
 Thời gian quân chế : 12 tháng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 1985

Trưởng Phòng Cảnh sát Quốc vụ TTXH



KHAI SANH

Số hiệu: 163

Trích y theo bộ
Phước-Lê, ngày 20/4/55
UV Hộ-Tịch,

[Signature]

Vi chứng:

Phó Chủ-Tịch,

[Signature]



Nhận thực chữ ký tên của Ủy
Ban Hành Chánh xã Phước-Lê
trên đây/-

Long-Lê, ngày 20/4/55



Tên, họ ấu-nhi:	Nguyễn-phúc-Hà
Phái:	Nam
Sanh: (Ngày, tháng, năm)	Ngày 29 THÁNG Mars 1952
Tại:	Phước-Lê
Cha: (Tên họ)	Nguyễn-văn-Giản <i>K</i>
Tuổi:	-----
Nghề-nghiệp:	Thợ kỹ nhả đèn
Cư-trú tại	Phước-Lê
Mẹ: (Tên họ)	Đoàn-thị-Vượng <i>X</i>
Tuổi:	-----
Nghề-Nghiệp:	Làm việc nhà
Cư-trú tại	Phước-Lê
Vợ:	Vợ chánh
Người khai: (Tên họ)	Hứa-thị-Mười
Tuổi:	Ba mươi chín tuổi
Nghề-nghiệp:	Nữ Hộ sanh
Cư-trú tại:	Phước-Lê
Ngày khai:	-----
Người chứng thứ nhất: (Tên họ)	Nguyễn-thị-Nhân
Tuổi:	Ba mươi hai tuổi
Nghề-nghiệp:	Mũ điều dưỡng
Cư-trú tại:	Phước-Lê
Người chứng thứ nhì: (Tên họ)	Võ-thị-Bính
Tuổi:	Bốn mươi hai tuổi
Nghề-nghiệp:	Làm vườn
Cư-trú tại:	Phước-Lê

Làm tại Phước-Lê, ngày 1 tháng Avril năm 1952

Người khai,
Mười ký

Hộ-lại,
Khuong ký

Nhân-chứng,
Nhân và Bính ký

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN-CƯỚC

Số 00822293

Họ Tên

PHẠM-THỊ-THÌN.



Ngày, nơi sinh 15-11-1953

Điền-Thanh, BÌNH-DƯƠNG

Cha Phạm-Trần-Cang

Mẹ Tạ-Thị-Tuyết

Hộ chỉ 19/15, Lý-Trần-Quán-S

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Quận (huyện) Tân Bình

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Phường (xã) 13

Số

CHỨNG CHỈ SỐNG CHUNG

Chứng nhận ông Nguyễn phúc Hòa

Sinh ngày 29-02-1952 tại Bình Phú Thiệu

Căn cước số 022089902 cấp tại ngày 6-03-1985

Nghề nghiệp Cắt tóc hiện ngụ tại 230/14 D

Có trình diện tại phường:

Bà Phạm Thị Thìn là vợ sinh ngày 15-03-1953

Tại Đình Thánh Bình Dương do giấy hôn thú số

Cấp tại ngày

và những đứa trẻ có tên sau đây:

- | | | |
|-----------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|
| 1) <u>Nguyễn phúc Ngọc Trâm</u> | sinh năm <u>1982</u> | tại <u>Thánh Fô</u> |
| 2) <u>Nguyễn phúc Trường Hưng</u> | sinh năm <u>1986</u> | tại <u>Thánh Fô</u> |
| 3) <u> </u> | sinh năm <u> </u> | tại <u> </u> |
| 4) <u> </u> | năm sinh <u> </u> | tại <u> </u> |
| 5) <u> </u> | năm sinh <u> </u> | tại <u> </u> |
| 6) <u> </u> | năm sinh <u> </u> | tại <u> </u> |
| 7) <u> </u> | năm sinh <u> </u> | tại <u> </u> |
| 8) <u> </u> | năm sinh <u> </u> | tại <u> </u> |
| 9) <u> </u> | năm sinh <u> </u> | tại <u> </u> |
| 10) <u> </u> | năm sinh <u> </u> | tại <u> </u> |

Là vợ con đương sự do từ khai gia đình hôn thú khai sinh xuất trình
hiện nay còn sống chung với đương sự

Chứng chỉ này được cấp phát để tiện dụng và chấp chiếu.

Ngày 04 tháng 12 năm 1986

PHƯỜNG 13

WTK





M CỘNG-HÒA
ĐÌNH-DƯƠNG

XÃ Đình-Thành

BỒN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1953

Số hiệu 120

Tên, họ ấu nhi	<u>Phạm-thị-Thần</u>
Phái	<u>Gái</u>
Sanh (ngày, tháng, năm)	<u>Le 15 Mars 1953</u>
Tại	<u>Làng Đình-Thành</u>
Cha (Tên, họ)	<u>Phạm-văn-Cang</u>
Nghề	<u>Tài-xs phụ</u>
Cư trú tại	<u>Làng Đình-Thành</u>
Mẹ (Tên, họ)	<u>Tạ-thị-Duyệt</u>
Nghề	<u>Coi việc nhà</u>
Cư trú tại	<u>Làng Đình-Thành</u>
Vợ (Chánh hay thứ)	

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
kiếm Ủy-viên Hộ-tịch Xã Đình-Thành
Trị-Tân, ngày 15 tháng 2 năm 196 9
QUẬN-TRƯỞNG,



PHẠM-TÂN-KHINH

Trích y bản chánh :

Đình-Thành, ngày 15 tháng 2 năm 196 9
CHỦ-TỊCH kiêm ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,



NGUYỄN-VĂN-PHÔNG



AN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT3/P3

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Quận Tân Bình

Xã Tân Chí Minh

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 289/1982

Quyển số 01/P.13

Họ và tên	NGUYỄN PHÚC NGỌC TRÂM	Nam, nữ	NỮ
Sinh ngày tháng, năm	Mười bảy, tháng mười hai, năm một chín tám mươi hai (17/12/1982)		
Nơi sinh	Bao Sanh Đức Huệ		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	NGUYỄN PHÚC HÀ 1952	PHẠM THỊ THỊNH 1953	
Dân tộc	Kinh		
Quốc tịch	Việt	Nam	
Nghề nghiệp	Buôn bán	Tổ hợp	
Nơi ĐKNK thường trú	236/14D C M T 8 Phường 13 Tân Bình	230/12D C M T 8 Phường 13 Tân Bình	
Họ tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NGUYỄN PHÚC, HÀ		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đang ký ngày 20 tháng 12 năm 1982
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)Ngày 30 tháng 12 năm 1982
T.M.UBND. Quận Tân Bình ký tên đóng dấu

Ủy Viên Thư Ký Quận Tân Bình

PHÓ-VĂN PHÒNG

NGUYỄN THÁI SỬ



Nguyễn Văn Thành



NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu 1979/79

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Phường 13

Tân Bình

Tỉnh Hồ Chí Minh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 123/1986

Quyển số QL/UB

Họ và Tên

NGUYỄN PHÚC TRƯỜNG HUY

Nam, nữ nam

Sinh ngày

20 - 11 - 1986 (Ngày hai mươi tháng mười một năm

tháng, năm

một chín tám sáu)

Nơi sinh

TÂN BÌNH

Khai về cha mẹ

CHA

MẸ

Họ, tên, tuổi (hoặc

NGUYỄN PHÚC HÀ

PHẠM THỊ THÌN

ngày, tháng, năm sinh)

1952

1953

Dân tộc

KINH

Quốc tịch

VIỆT

NAM

Nghề nghiệp

BUÔN BÁN

ĐAN IEN

Nơi ĐKKK thường trú

230/14 D CMT 8

230/12 D CMT 8

Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK
thường trú, số giấy chứng
minh hoặc CNCC của
người đứng khai

NGUYỄN PHÚC HÀ 230/14 D CMT 8

CMND : 022 028 902

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 3 tháng 12 năm 1986

TM/UBND

Ký tên đóng dấu

Đã ký

Đã ký ngày 26 tháng 11 năm 1986

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

P. Chủ tịch

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM GIÀU



FROM: NGUYỄN PHÚC HÃ

236/14D. Phường 13. Tân Bình

TP. HỒ CHÍ MINH

VIỆT - NAM

PAR AVION



TO: Mrs. KHUẾ. MINH. THƠ

PO. Box: 5435

ARLINGTON. VA. 22205-0635

USA.



22640



VIA AIR MAIL PAR AVION

5/8/88

5/8 - 7050